

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 248/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 01 – 11 – 2018  
V/v tranh chấp ly hôn  
nuôi con chung và chia tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Càn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Châu Hải Dương

Ông Nguyễn Văn Hiền

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 464/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 401/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987. Cư trú tại: Ấp Đ, xã T1, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

***- Bị đơn:*** Anh Trần Chí H, sinh năm 1970. Cư trú tại: Ấp T2, xã T3, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Chí H tự nguyện chung sống vào tháng 10/2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Duyệt, huyện Đam Dơi. Theo chị T, khi về chung sống thường xuyên xảy ra cự cãi, anh H tham gia các tệ nạn xã

hội, không quan tâm đến gia đình nên đã ly thân từ ngày 04/6/2015 cho đến nay. Theo anh H, khi về chung sống không có mâu thuẫn gì lớn, anh thừa nhận trước đây có tham gia tệ nạn xã hội, việc ly thân là do chị T tự bỏ đi, sự việc được gia đình hòa giải, hàn gắn, chị T đồng ý nhưng không về chung sống trở lại. Từ các nguyên nhân trên, chị T và anh H xét thấy mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể quay lại chung sống đồng ý ly hôn với nhau.

Quá trình chung sống, chị T và anh H có 01 người con chung tên Trần Phương D do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T và anh H thống nhất giao Phương D cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi Phương D mức 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày có bản án, quyết định cho ly hôn của Tòa án; anh H không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị T nhưng anh sẽ đồng ý cùng chị T nuôi Phương D theo điều kiện, khả năng của anh.

Tại phiên tòa, do anh H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con nên chị T yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết vấn đề này theo quy định của pháp luật.

Khi về chung sống, chị T và anh H được mẹ chồng cho 10 chỉ vàng 24k. Quá trình giải quyết, chị T yêu cầu anh H giao lại để phân chia cho chị hưởng 05 chỉ vàng 24k khi bản án có hiệu lực pháp luật; anh H xác định đã bán 03 chỉ vàng 24k để đầu tư nuôi ao tôm công nghiệp nhưng bị thất bại nên anh đang quản lý 07 chỉ vàng 24k, anh đồng ý giao cho chị T hưởng 05 chỉ vàng 24k nhưng với điều kiện khi cháu Phương Duy tròn 06 tuổi.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu anh H giao lại 07 chỉ vàng 24k để phân chia mỗi người  $\frac{1}{2}$ . Anh H không đồng ý phân chia theo yêu cầu của chị T mà yêu cầu giữ lại sau này giao cho Phương Duy ăn học.

Quá trình chung sống các đương sự xác định không thiếu nợ ai và không ai nợ lại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Chí H tự nguyện chung sống vào tháng 10/2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Duyệt, huyện Đàm Dơi. Khi về chung sống xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân từ ngày 04/6/2015 cho đến nay. Từ đó, chị T và anh H xét thấy mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể quay lại chung sống đồng ý ly hôn với nhau.

Xét việc đồng ý ly hôn giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho các đương sự ly hôn với nhau là phù hợp.

[2] Các đương sự có 01 người con chung tên Trần Phương D do chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T và anh H thống nhất giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét việc thỏa Tận việc nuôi con sau khi ly hôn giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa, chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; anh H không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị T mà anh sẽ hỗ trợ nuôi con theo điều kiện, khả năng của mình.

Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng: Theo quy định của pháp luật, cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên và cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Mặt khác, theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao "mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con".

Do vậy, để anh H thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc nuôi dưỡng Phương D trên cơ sở xem xét điều kiện thực tế nên buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo mức 700.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4] Trong ngày cưới, chị T và anh H được cho 10 chỉ vàng 24k, anh H đã bán 03 chỉ nuôi tôm ao công nghiệp (bị thất bại). Tại phiên tòa, chị T thay đổi yêu cầu phân chia tài sản, chị yêu cầu anh H giao lại 07 chỉ vàng 24k để phân chia mỗi người 1/2. Anh H không đồng ý phân chia số vàng này mà muốn giữ lại số vàng này để lo cho Phương D ăn học.

Xét thấy, việc chị T thay đổi yêu cầu phân chia tài sản không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng: Số vàng này được cho trong ngày cưới nên được xác định là tài sản chung, các đương sự có quyền định đoạt và yêu cầu giải quyết đối với tài sản này. Do các đương sự không thỏa Tận được và chị T có yêu cầu nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét, quyết định theo luật định.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn thì tài sản chung của vợ chồng về nguyên tắc được chia đôi nhưng có xem xét các yếu tố để xác định tỷ lệ tài sản mà vợ chồng được chia. Cụ thể: Số vàng này do mẹ chồng cho trong ngày cưới; về nguyên nhân dẫn đến các đương sự ly hôn có phần lỗi của chị T và anh H nhưng chị T là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Do vậy, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự và đối chiếu với các quy định ở trên thì việc chị T yêu

cầu anh H giao lại 07 chỉ vàng 24k để phân chia mỗi người  $\frac{1}{2}$  là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Về nợ người khác và người khác nợ lại: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng; anh H phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng; án phí phân chia tài sản mỗi đương sự phải chịu là:  $(3,5 \text{ chỉ vàng } 24k \times 3.480.000 \text{ đồng/chỉ} \times 5\%) = 609.000 \text{ đồng}$  (áp dụng giá vàng bán ra do Hội Mỹ nghệ Kim hoàn tỉnh Cà Mau niêm yết ngày 01/11/2018).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 59, 71, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1, khoản 4 và khoản 6 Điều 7 của Thông tư Liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh Trần Chí H.

- Về con chung: Giao Trần Phương D cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo mức 700.000 đồng/tháng (bảy trăm nghìn đồng/tháng), thời điểm cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/11/2018) cho đến khi Phương D tròn 18 tuổi. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị T đối với khoản tiền cấp dưỡng cho đến khi hành án xong, thì hàng tháng anh H phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản: Chị T và anh H mỗi người được hưởng 3,5 (ba phẩy lăm) chỉ vàng 24k. Anh H đang quản lý 07 chỉ vàng 24k có nghĩa vụ giao cho chị T 3,5 chỉ vàng 24k.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai T tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010416 ngày 18/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (đã nộp xong).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) (chưa nộp).

- Án phí phân chia tài sản: Chị T và anh H mỗi người phải chịu 609.000 đồng (sáu trăm lẻ chín nghìn đồng).

Chị T đã nộp tạm ứng số tiền 428.000 đồng theo Biên lai T tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010415 ngày 18/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được đối trừ thì chị T còn phải nộp tiếp 181.000 đồng (một trăm tám mươi một nghìn đồng). Anh H chưa nộp án phí phân chia tài sản.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Duyệt;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Càn**